TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày 20-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân Quận A, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận A tham gia phiên toà: Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Đức C, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1967 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện A, Hải Phòng (nay là tổ dân phố V, phường Đ, quận H, Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức Đ và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị O (đã ly hôn) và 01 con; Nhân thân: Bản án số 08/2017/HSST ngày 17/02/2017, Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 9 năm 2024, chuyển tạm giam ngày 24 tháng 9 năm 2024; có mặt.

2. Đào Xuân H, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1973 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, Hải Phòng (nay là tổ dân phố Đ, phường Đ, quận H, Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Xuân T (đã chết) và bà Thân Thị L; có vợ là Phạm Thị V và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 9 năm 2024, chuyển tạm giam ngày 24 tháng 9 năm

2024; có mặt.

3. Phạm Văn T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1967 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện A, Hải Phòng (nay là tổ dân phố A, phường Đ, Quận A, Hải Phòng); nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện A, Hải Phòng (nay là tổ dân phố P, phường L, Quận A, Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị L (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị O và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 9 năm 2024, chuyển tạm giam ngày 24 tháng 9 năm 2024; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 16/9/2024, tổ công tác Công an huyện A làm nhiệm vụ tại khu vực thôn V, xã Đ, huyện A phát hiện, bắt quả tang đang có hành vi bán trái phép chất ma túy tại nhà cho Phạm Văn T. Vật chứng thu giữ trong lòng bàn tay phải của Phạm Văn T 01 gói giấy bạc, kích thước 01x1,5cm bên trong chứa chất bột màu trắng (mẫu QT01); thu giữ của số tiền 500.000 đồng do bán ma tuý cho T mà có. Ngoài ra tại nhà C còn có Đào Xuân H cũng có mặt. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và đưa C, T, H về trụ sở Công an giải quyết.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của thu giữ: trong nắp bồn cầu nhà vệ sinh 04 túi nilon, trong đó có 03 túi nilon màu xanh và 01 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi đều chứa chất bột màu trắng, dạng cục (mẫu KX01); tại đầu giường trong phòng ngủ 01 túi nilon màu xanh, kích thước 02x1,5cm chứa chất bột màu trắng, dạng cục (mẫu KX02); thu giữ chất bột màu trắng trên mặt mảnh kim loại trong phòng ngủ của được cho vào 01 gói giấy bạc kích thước 03x01cm (mẫu KX03). Ngoài ra thu giữ 01 mảnh kim loại kích thước 11x16cm; 01 cân điện tử kích thước 05x08cm; 01 dao lam và 05 vỏ túi nilon. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đào Xuân H và Phạm Văn T không thu giữ đồ vật gì có liên quan đến ma túy.

Kết luận giám định số 1075/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Chất bột màu trắng của mẫu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,32 gam, loại Heroine. Chất bột màu trắng của mẫu KX01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,11 gam, loại Heroine. Chất bột màu trắng của mẫu KX02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,28 gam, loại Heroine. Chất bột màu trắng của mẫu KX03 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,38 gam, loại Heroine.

Quá trình điều tra các bị can khai nhận: thuê Đào Xuân H bán ma túy và trả công cho H 01 gói ma túy/ngày để H sử dụng. Hằng ngày H có mặt tại nhà C 02

lần vào khoảng 11 giờ đến 12 giờ 30 phút và từ 18 giờ đến 19 giờ 30 phút, khi nào có khách hỏi mua thì H mang ma túy cho người mua rồi nhận tiền đưa lại cho C, cả hai đã bán ma túy cho nhiều người nhưng không nhớ thời gian cụ thể. C và H chỉ nhớ, sáng ngày 13/9/2024, C mua 2.000.000 đồng ma túy Heroine của người đàn ông không quen biết (giao ma túy tại nhà C), sau đó C chia nhỏ vào các gói để bán với giá 500.000 đồng và 300.000 đồng/ 01 gói tùy theo gói to, nhỏ khác nhau. Tối ngày 14/9/2024, có 01 nam thanh niên đến nhà C hỏi mua 02 gói ma túy với giá 500.000 đồng/01 gói, C đưa cho H 02 gói ma túy để giao cho khách và nhận số tiền 1.000.000 đồng. Tối ngày 15/9/2024, C đưa H 02 gói ma túy để bán với giá 300.000 đồng/01gói, H bán cho khách và đưa lại C 600.000 đồng, C đã trả công cho H 01 gói ma túy để sử dụng. Trưa ngày 16/9/2024, C đang ở nhà thì Phạm Văn T đến hỏi mua 500.000 đồng ma túy Heroine, lúc này H cũng vừa đến, C nhận tiền và đưa cho T 01 gói ma túy. Khi C và T vừa giao dịch mua bán xong thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng như trên.

Cáo trạng số 14/CT-VKSAD ngày 06/01/2025, Viện Kiểm sát nhân dân Quận A đã truy tố các bị cáo , Đào Xuân H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận A giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; Đào Xuân H mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù đều về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản và không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về tiền thu lợi bất chính: Đề nghị buộc bị cáo nộp lại số tiền 1.600.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì giấy dán kín các mép, bên trong có chứa toàn bộ bao bì và các mẫu vật hoàn lại sau giám định, trên có dấu niêm phong của Cơ quan giám định số: 1075MT/PC09, và chữ ký của thành

phần tham gia niêm phong; 01 (một) mảnh kim loại, có kích thước 11x16cm; 01 (một) cân điện tử, có kích thước 05x08cm; 01 (một) dao lam; 05 (năm) vỏ túi nilon.

Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng);

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Quận A và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:*

[2.1] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện:

Trong các ngày 14 và 15/9/2024, đã 02 lần thuê Đào Xuân H bán trái phép 04 gói ma túy thu được số tiền 1.600.000 đồng. Trưa ngày 16/9/2024, C cất giữ 2,09 gam heroine với mục đích để bán kiếm lời và đã bán cho Phạm Văn T 0,32 gam heroine với giá 500.000 đồng/01 gói thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo và Đào Xuân H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[2.1] Về khung hình phạt:

Các bị cáo và Đào Xuân H đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt "*Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Văn T cất giữ trái phép 0,32 gam Heroine mua của C, mục đích để sử dụng cho bản thân nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận A, thành phố Hải Phòng đối với các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước mà còn gây mất trị an ở địa phương và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Đào Xuân H, có bố mẹ đẻ được tặng huân chương kháng chiến; bị cáo Phạm Văn T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về vai trò và hình phạt của các bị cáo:*

[6.1] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Các bị cáo và Đào Xuân H phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn nên cần căn cứ Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt.

Bị cáo là người khởi xướng thuê Đào Xuân H bán ma túy cho bị cáo nên bị cáo C có vai trò cao nhất. Bị cáo Đào Xuân H tích cực giúp C bán ma túy để được trả công bằng ma túy nên có vai trò thấp hơn C.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nhân thân bị cáo Đào Xuân H chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã có 01 tiền án đã được xóa về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Lần phạm tội này các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần xét xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc trên mức khởi điểm của khung hình phạt, buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6.1] Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Nhân thân bị cáo Phạm Văn T chưa có tiền án, tiền sự. Lần phạm tội này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần xét xử bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc trên mức khởi điểm của khung hình phạt, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội có tính chất vụ lợi nên cần căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung bị cáo hình phạt tiền theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Các bị cáo Trần Đức C, Đào Xuân H, Phạm Văn T không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập; mặt khác bị cáo H giúp sức cho bị cáo C mua bán ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tiền thu lợi bất chính: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thu được số tiền 1.600.000 đồng từ việc mua bán ma túy. Xét đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) bì giấy dán kín các mép, bên trong có chứa toàn bộ bao bì và các mẫu vật hoàn lại sau giám định, trên có dấu niêm phong của Cơ quan giám định số: 1075MT/PC09, và chữ ký của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) mảnh kim loại, có kích thước 11x16cm; 01 (một) cân điện tử, có kích thước 05x08cm; 01 (một) dao lam; 05 (năm) vỏ túi nilon không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 500.000 đồng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với đối tượng bán trái phép ma túy cho và những người mua ma túy của và Đào Xuân H, chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 (áp dụng riêng đối với bị cáo) Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố các bị cáo và Đào Xuân H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy;

Xử phạt: Bị cáo 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 9 năm 2024. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: Bị cáo Đào Xuân H 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 9 năm 2024.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 9 năm 2024.

- Về tiền thu lợi bất chính: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo nộp lại số tiền 1.600.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì giấy dán kín các mép, bên trong có chứa toàn bộ bao bì và các mẫu vật hoàn lại sau giảm định, trên có dấu niêm phong của Cơ quan giám định số: 1075MT/PC09, và chữ ký của thành phần tham gia niêm phong; 01 (một) mảnh kim loại, có kích thước 11x16cm; 01 (một) cân điện tử, có kích thước 05x08cm; 01 (một) dao lam; 05 (năm) vỏ túi nilon;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 500.000 đồng của ;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, và theo biên lai thu tiền số 0008566 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, thành phố Hải Phòng).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo Trần Đức C, Đào Xuân H, Phạm Văn T mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND Quận A;
- VKSND thành phố Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan điều tra công an Q. An Dương;
- Cơ quan THAHSCA Quận A;
- Trại tạm giam công an TP Hải Phòng;
- Phòng PV06, PV27 CATP Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS Quận A;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Tuấn Anh